TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH C**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 12 – 2022
(V/việc không công nhận quan hệ vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quốc Cường
Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh C.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973; Có mặt

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh C;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969; Có mặt

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh C;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị S trình bày, chị và anh D tự nguyện sống chung với nhau và có tổ chức cưới gã vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Chị S xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Ý kiến của anh D: Anh D thừa nhận sống với nhau như vợ chồng và mâu thuẫn đúng như Chị S trình bày. Trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị S và anh D xác định không có.

Về tài sản chung: Chị S và anh D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S và anh D xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị S về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh D là bị đơn có nơi cư trú tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh D tự nguyện sống chung với nhau và có tổ chức cưới gã vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Cả hai xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Tại phiên tòa, Chị S và anh D đều xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên cả hai thống nhất chấm dứt hôn nhân với nhau.

Theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của Chị S và anh D sống chung nhưng không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thụ lý giải quyết. Do đó, cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn D.

[3] Về con chung: Chị S và anh D xác định không có.

[4] Về tài sản chung: Chị S và anh D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị S và anh D xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Chị S nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị S và anh D xác định không có.

Về tài sản chung: Chị S và anh D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị S và anh D xác định không có.

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Nguyễn Thị S nộp 300.000đ. Vào ngày 04 tháng 10 năm 2022, Chị S đã dự nộp 300.000đ theo biên lai 0015243 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C, được đối trừ sung ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự h. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

Diệp Chí Nguyện